

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 01 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hiếu; Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa: Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 -Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày
17 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/ QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm
2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:37/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15/12/2025,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - sinh năm 1980

CCCD số 038180017264

Cư trú tại: số nhà A, đường T, tổ dân phố số H, phường B, tỉnh Thanh Hóa
(có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Anh T1, sinh năm 1975

CCCD số 038075016318

Cư trú tại: số nhà A, đường T, tổ dân phố số H, phường B, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: SN 71i đường N, tổ dân phố A N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa
(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Vũ Thị T](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 2003 tại [UBND phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa \(nay là phường Q, tỉnh Thanh Hóa\)](#). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hoà thuận, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và thực sự cũng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [T1](#).

- Về con cái: Vợ chồng chị có 03 con chung là [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004, [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2007 và [Trần Vũ Thái H1](#) (nữ), sinh ngày 26/11/2014. Cháu [Ngọc A](#) và cháu [H](#) đã đến tuổi thành niên, chị [T](#) không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [H1](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, yêu cầu anh [T1](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng là 3.000.000 đ.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị [T](#) không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/11/2025 bị đơn anh [Trần Anh T1](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn năm 2003. Quá trình chung sống anh không rõ lý do gì dẫn đến việc vợ anh làm đơn xin ly hôn. Vì thế anh đề nghị Toà án cho anh thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn

- Về con cái: Vợ chồng anh có 03 con chung là [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004, [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2007 và [Trần Vũ Thái H1](#) (nữ), sinh ngày 26/11/2014. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao cháu [H1](#) cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại biên bản xác minh ngày 05/11/2025 ông [Nguyễn Văn T2](#) trưởng [tổ dân phố H, phường B](#) cung cấp: Chị [Vũ Thị T](#) và anh [Trần Anh T1](#) kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng anh chị có 03 con chung là [Trần Vũ Ngọc A](#), sinh năm 2004, [Trần Vũ Thanh H](#), nữ, sinh năm 2007 và [Trần Vũ Thái H1](#), sinh năm 2014. Hiện nay vợ chồng anh chị đang sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị [T](#) tại [đường T, tổ dân phố số H, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Việc vợ chồng chị [T](#), anh [T1](#) có

mâu thuẫn gì không thì chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không yêu cầu tổ dân phố hoà giải mâu thuẫn vợ chồng.

Tại buổi hoà giải ngày 12/11/2025 chị [T](#) và anh [T1](#) đề nghị cho vợ chồng suy nghĩ lại tình cảm trong thời gian 10 ngày sau đó sẽ quyết định.

Ngày 28/11/2025 chị [Vũ Thị T](#) có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vì thấy không thể hàn gắn tình cảm được và yêu cầu Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Vũ Thị T](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị T](#) được ly hôn với anh [Trần Anh T1](#)

- Về con cái: Giao cháu [Trần Vũ Thái H1](#) (nữ), sinh ngày 26/11/2014 cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [T1](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hai cháu [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004 và [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2004 đã thành niên, chị [T](#) không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị [T](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; anh [T1](#) nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Vũ Thị T](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trần Anh T1](#). Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn";

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại [phường B, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Vũ Thị T](#) có mặt, anh [Trần Anh T1](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh [Trần Anh T1](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Vũ Thị T](#) và anh [Trần Anh T1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND phường N, thị xã B \(nay là phường Q\), tỉnh Thanh Hóa](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị [T](#) vì vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ 8 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Bởi vợ chồng đã ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trần Anh T1](#). Anh [T1](#) cho rằng vợ chồng vẫn chung sống hoà thuận hạnh phúc, không rõ lý do chị [T](#) làm đơn ly hôn nên anh muốn được đoàn tụ hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái nên người.

HĐXX thấy, quá trình chung sống chị [T](#) và anh [T1](#) có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết, Toà án đã hoà giải và cho hai bên thời gian để xem xét lại tình cảm nhưng không thành. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị [T](#) và anh [T1](#) luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, chứng tỏ đời sống chung vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị [T](#) ly hôn với anh [T1](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: chị [T](#) và anh [T1](#) thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004, [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2007 và [Trần Vũ Thái H1](#) (nữ), sinh ngày 26/11/2014. Nếu ly hôn anh cũng đồng ý giao cháu [H1](#) cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh [T1](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Còn hai cháu [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004, [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2007 đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Toà án giải quyết.

HĐXX thấy, việc hai bên cùng thống nhất giao cháu [H1](#) cho chị [T](#) nuôi dưỡng là sự tự nguyện của các bên cũng là nguyện vọng của cháu [H1](#), nên giao cháu [H1](#) cho chị [T](#) nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [T1](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) mỗi tháng

3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2026, như thế là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Vũ Thị T](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh [Trần Anh T1](#) nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Vũ Thị T](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị T](#) được ly hôn với anh [Trần Anh T1](#).

- Về con cái: Giao cháu [Trần Vũ Thái H1](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 26/11/2014 cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh [T1](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2026.

Còn hai cháu [Trần Vũ Ngọc A](#) (nữ), sinh ngày 08/4/2004, [Trần Vũ Thanh H](#) (nữ), sinh ngày 01/5/2007 đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh [T1](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 17/10/2025 theo biên lai thu số: 0001862. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Vũ Thị T và vắng mặt anh Trần Anh T1.

Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2026), anh Trần Anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;

TÒA

- *Đương sự;*

- *THADS tỉnh Thanh Hoá;*

- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*

- *UBND phường Quang Trung*

(ĐK 26/5/2003);

-

Lưu

hồ

sơ

vụ

án.

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**